

# MỘT VÀI SUY NGHĨ XUNG QUANH VẤN ĐỀ RANH GIỚI GIỮA CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

NGUYỄN CHÍ HÒA

*Khoa Tiếng Việt - DH Tổng hợp HN*

Cho đến hiện nay, trong giới Việt ngữ học còn có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề ranh giới giữa câu đơn và câu ghép. Một trong những ý kiến mới nhất là của Giáo sư Cao Xuân Hạo, trong cuốn "tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng" (KHXH, 1991). Bài viết này, thử góp một tiếng nói xung quanh vấn đề trên từ phương hướng giải quyết một số vấn đề cụ thể.

1.1. Xét các ví dụ sau đây:

- a - Tôi không đến được. (chả là) cháu nó ốm.
- b - Tôi không đến được. Vì cháu nó đang ốm.
- c - Tôi không đến được, vì cháu nó ốm.
- d - Tôi không đến được vì cháu nó đang ốm.
- e - (Sở dĩ) Tôi không đến được vì cháu nó đang ốm.

(Sách đã dẫn, tr. 204).

1.2 Dễ dàng thấy rằng các phát ngôn trên tương ứng với:

- g - Tôi không đến được, cháu nó đang ốm.

1.3. Vấn đề là ở chỗ, các cấu trúc nói trên thuộc cùng một loại đơn vị hay thuộc những loại đơn vị khác nhau? Nếu chúng thuộc cùng một loại đơn vị thì đó là loại đơn vị gì? Và, chúng có quan hệ với nhau như thế nào?

2.1 Giáo sư Cao Xuân Hạo cho rằng: (a) và (b) là tổ hợp hai câu. (c) là câu ghép. (d) và (e) là câu đơn. Nghĩa là các đơn vị nói trên thuộc ba kiểu khác:

- Tổ hợp hai câu
- Câu ghép
- Câu đơn

2.2 Chúng tôi thấy: (a); (b); (c), (d), (e) chỉ khác nhau ở chỗ:

- Có hoặc không có quãng ngưng giữa hai tổ hợp
- Mức độ ngưng, trên ranh giới giữa hai tổ hợp
- Có hoặc không có liên từ.

Tuy nhiên, để khảo sát cụ thể hơn, chúng tôi bắt đầu từ (g).

2.3. Trong thập niên 60, khuynh hướng chủ yếu trong giới Việt ngữ học là khuynh hướng "không thừa nhận hoặc không muốn thừa nhận câu hai nòng cột không có quan hệ từ là câu phức"<sup>1</sup>. Đến thập niên 70, khuynh hướng chủ đạo vẫn là: "Nếu trong phát ngôn ngày bỏ đi chỉ tổ quan hệ thì trong chúng sẽ thiếu thông tin về quan hệ" (AIESINNA. I. E. 1976). (2). Bước sang thập niên 80, cùng với sự phát triển của ngữ ngữ học thế giới, khuynh hướng thừa nhận câu ghép không có quan hệ từ như là đơn vị của hệ thống câu ghép, đã trở thành phổ biến (Hoàng Trọng Phiến, 1980). (3), Cận, Phan Thiệu, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, 1983).<sup>1</sup> (UBKHXXH, 1983)<sup>4</sup>...

2.4. Thực chất các ý kiến đối lập nhau chỉ là ở chỗ: Cùng một nội dung, cùng một kiểu quan hệ cú pháp nhưng không có quan hệ từ thì nên xem là hai câu đơn hay một câu ghép. Đây là vấn đề không có gì mới mẻ nhưng cần phải xét lại khái niệm "đơn" "ghép" trước khi quy loại các đơn vị dẫn trên kia.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, hãy xét các kiểu đơn vị dưới đây:

Kiểu(I): - Tôi không đến được

- Cháu nó đang ốm.

Kiểu (II): - Tôi không đến được, cháu nó đang ốm.

2.5 Chúng ta dễ thấy rằng, với tư cách một chỉnh thể giao tiếp, (I) và (II) đều giống nhau. Tuy vậy, về mặt tổ chức cú pháp, (II) gồm hai đơn vị vị ngữ tính, mà mỗi đơn vị vị ngữ tính của nó giống như các cấu trúc kiểu (I), nhưng nó lại không phải là đơn vị giao tiếp hoàn chỉnh như (I). (6).

(I) và (II) có một điểm chung khác là chúng được tổ chức trong một ngữ điệu thối nhất.

(I) và (II) đều chịu sự chi phối của qui tắc trật tự từ tiếng Việt mà trật tự cú pháp thành tố lại liên quan đến nhiệm vụ giao tiếp khác nhau, cho nên trật tự từ trong thành phần của (II) cũng có nét riêng phân biệt với cấu trúc (I) tương ứng.

Đơn vị kiểu (I) là các phát ngôn đơn. (9).

Đơn vị kiểu (II) là phát ngôn đa vị tính (8). Đó là phát ngôn có hai hay nhiều đơn vị vị tính được liên kết bằng những phương tiện ngữ pháp khác nhau tạo thành một chỉnh thể giao tiếp hoàn chỉnh. Chúng có một mục đích giao tiếp nhất định và gắn liền với ngữ cảnh.

3. Trở lại các ví dụ: (a), (b), (c), (d), (e)

3.1 Xét "tổ hợp hai câu" (a) Giả sử, tách "tôi không đến được" ra khỏi (a) và dùn nó với "ngữ điệu kết thúc" (kiểu: - Mai anh có đến được không? - Tôi không đến được ta sẽ có một phát ngôn đơn, hợp tác mang ý nghĩa khả năng. Như vậy, quan hệ "kết quả" mà nó mang trong (a): ("Tôi không đến được, chả là cháu nó ốm") sẽ mất đi. Mặ

; nếu tách "Cháu là cháu nó ốm" khỏi (a) thì nó là phát ngôn ngữ cảnh, đơn vị giao tiếp không hoàn chỉnh. (7). Chính vì vậy, theo chúng tôi nên coi (a) là tổ hợp hai câu mà xem nó là một phát ngôn vị tính.

3.2. Lại xét (b), (c), (d), (e).

Về ngữ điệu, sự khác biệt của các phát ngôn trên chỉ là ở chỗ có hoặc không có ngữ điệu ngừng và độ ngừng. Nhưng ngữ điệu, trong các phát ngôn thay đổi về ngữ nghĩa ngữ pháp nếu có được:

- Ngưng giọng ở trước "Vì"

(b) - Tôi không đến được/Vì cháu nó ốm

- Ngưng giọng ở sau "Vì"

(c) - Tôi không đến được vì/Cháu nó ốm.

- Ngưng giọng ở trước và sau "vì", biến "vì" thành trọng âm:

(d) - Tôi không đến được /vì/ cháu nó ốm.

- Đồng nhất "vì" với các đơn vị khác, thủ tiêu quãng ngừng:

(e) - Tôi không đến được vì cháu nó ốm.

(g) - Tôi không đến được/cháu nó đang ốm/

Như vậy, quãng ngừng và độ ngừng trong (b) (c) (d) (e) không có giá trị như một công cụ hiện thực hóa mối quan hệ giữa các đơn vị. Đó đó, không nên coi chúng là các loại đơn vị khác nhau.

3.3. Vậy, khi xem các trúc nói trên thuộc cùng một loại đơn vị thì, mối quan hệ giữa chúng như thế nào? Hệ thống phát ngôn đa vị ngữ tính không có từ nối là một hệ thống riêng hay là những biến thể của nhau?

Holm đã nêu ra một số đặc trưng của các biến thể cú pháp. Khi xem xét các phát ngôn: "I see him" và "Him, I see" cũng như kiểu: "A man bit a dog"; "dog was bitten by a man" và "the biting of dog by man", ông cho đây là các biến thể của cùng một đơn vị. Như vậy, nếu khái niệm biến thể được hiểu như khả năng tồn tại của các đơn vị ngữ diện đồng đại thì hoàn toàn có thể xem các phát ngôn (a), (b), (c), (d), (e), (g) là các biến thể của cùng một đơn vị.

#### CHÚ THÍCH

- (1) Lê Cận; Phan Thiều, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung. Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt - Tập II - cú pháp tiếng Việt - GD 1983.
- (2) ALESINNA, I. E. - Các phương thức liên kết trong câu phức hợp trong "Tuyển tập ngôn ngữ học Việt Nam" - NAUKA. 1976.
- (3) Hoàng Trọng Phiếu - Ngữ pháp tiếng Việt. Câu. H. 1980
- (4) UBKHCH - Ngữ pháp tiếng Việt - KHXH. H. 1983
- (5) Thuật ngữ (Câu trả lời hợp tác - không hợp tác), xem Nguyễn Chí Hòa "Thủ

- tìm hiểu phát ngôn hỏi và phát ngôn trả lời..." - Tạp chí "Ngôn ngữ" số 1.19
- (6) Thuật ngữ "Vị ngữ tính" xin xem "Tủ điển bách khoa ngôn ngữ học", M. 19
- (7) Thuật ngữ "Phát ngôn ngữ cảnh" xin xem: Nguyễn Chí Hòa "Phát ngôn ngữ cảnh" - Tạp chí Khoa học - ĐHTHVN - Số 6.1991
- (8) Hoàng Trọng Phiến, Nguyễn Chí Hòa - Ý nghĩa khu vực và ý nghĩa không biệt..." - Tạp chí khoa học ĐHTHVN số 3.93
- (9) Về khái niệm "Phát ngôn đơn" xin xem Nguyễn Chí Hòa - "Phát ngôn như đơn vị giao tiếp..." TTLAPTS. 1992.
- (10) Theo Xolxev, V. M. Biến thể như là đặc trưng chung của hệ thống ngôn ngữ. Những vấn đề ngôn ngữ học, M. 1984, N2.

### THE PROBLEM OF THE "COMPLEX" SENTENCES IN ITS RELATIONSHIP TO THE "SIMPLE" SENTENCES...

Nguyen Chi Hoa

*Faculty of Vietnamese language-Hanoi University*

We share the view that the sentence is a unit of communication. All sentences must have specific contents to be communicated, a definite grammatical structure in independent position and a definite intonation. So, all of the following sentences are "complex" sentences.

- a- Tôi không đến được. (chả là) cháu nó ốm.
  - b- Tôi không đến được. Vì cháu nó đang ốm.
  - c- Tôi không đến được, vì cháu nó đang ốm.
  - d- Tôi không đến được vì cháu nó đang ốm.
  - e- (Sở dĩ) Tôi không đến được vì cháu nó đang ốm.
  - g- Tôi không đến được, cháu nó đang ốm.
- (I could'nt come because my son was ill).

This differs from the opinion of the professor Cao Xuan Hao.